

Cầu Phe Ba

*Về đây mưa lấp dấu chân
Nỗi thương nhớ cũ cũng dần phai pha.*



Vậy là tôi xa quê Hải Hậu đã 54 năm, thời gian hơn nửa thế kỷ mà tưởng như mới hôm nào. Suốt thời gian dài đằng đẵng ấy, mỗi khi nhớ đến những năm thơ ấu là tôi không thể nào quên được cây cầu Phe Ba. Trong ký ức tôi, cây cầu hiện ra rõ nét hơn trong những ngày tôi chuẩn bị về thăm quê cũ. Hồi nhỏ tôi không để ý gì tới tên cây cầu, có để ý chăng là làng tôi có một loạt cầu từ cầu Đông, cầu phe Nhất, phe Nhì, phe Ba, phe Tư, phe Năm; còn những cầu phe Sáu, phe Bảy, phe Tám, phe Chín, cầu Ngói thì thuộc về xã Thượng. Như vậy mỗi làng chia làm 5 phe. Mỗi phe có một cây cầu, một cái đình kế bên. Hàng năm tại Đình đứ có mổ trâu cúng Thần. Có lúc tôi nghĩ hay là vì cầu làm bằng sắt nên gọi bằng tiếng Pháp, sắt là phe. Mãi sau mới biết “phe” là một tiếng cổ, chỉ một xóm đông người cùng ở với nhau, có khi cùng làm một nghề - phe giáp. Vì ở quần cư lâu ngày đã tụ thành làng mạc lớn nên tinh thần phe giáp đã mất dần chỉ còn lại ở tên gọi mấy cây cầu bắc ngang con sông nhỏ chảy quanh co, quanh năm đem nước và phù sa sông Hồng bồi đắp và tưới mát cho ruộng nương của làng.

Ngày 28 Tết âm lịch năm ngoái tôi cùng chồng con được Chú tôi và mấy người em họ đưa về quê

cúng Tất niên. Chúng tôi thuê một xe lớn, khởi hành từ Hà Nội lúc 8 giờ sáng. Trời lạnh có mưa phùn lất phất. Xe ghé Chợ Hôm để mua đồ lễ rồi đi thẳng với dự trù sẽ dừng ở Phủ Lý ăn sáng, rồi về đến làng là khoảng 11, 12 giờ trưa. Mặc cho mọi người rì rầm nói chuyện, tôi nhắm mắt giả như ngủ. Trong trí tôi quá khứ như một cuốn phim quay ngược về thời gian của 54 năm trước.

+
+ +

Đầu năm 1951 tôi rời quê Hải Hậu lên Hà Nội khi mới là một cô bé 13 tuổi. Hôm ấy là ngày mừng 5 Tết Tân Mão. Một ngày đầu xuân có nắng ấm. Ông nội đưa tôi trên một cái xe đạp. Chú Tư chở một vali nhỏ đựng quần áo của tôi. Tới bến đò Tân Đệ, chú tôi đem hai cái xe về còn Ông cháu tôi qua phà ngang sông Hồng, rồi đi ô tô tới nhà số 25 phố Hàng Đồng Nam Định. Căn nhà này các cụ tôi mua dùng làm chỗ cho con cháu khi lên tỉnh học ở. Chúng tôi ngủ lại một đêm ở đấy để sang hôm sau ngược Hà Nội bằng tàu thủy vì sợ đường bộ không an ninh. Nhưng sáng hôm sau khi xuống Tàu thủy thì không còn chỗ, kiểm ô tô cũng không có. May mắn lại đi nhờ được một chiếc xe chở hàng. Lần đầu tiên tôi được biết và đi trên con đường số 1. Con đường Nam Định - Hà Nội dài hơn 90 km, dọc đường dấu vết chiến tranh vẫn còn nguyên vẹn. Mặt đường mấp mô, lồi lõm nhả của hai bên đường ngang qua khu vực Hà Nam Phủ Lý chỉ còn lại những bức tường ám khói. Xe chạy qua những xóm làng xơ xác, đường vắng hoe làm cho tài xế và ông cháu chúng tôi đều sợ hãi. Mãi đến khi tới Hà Nội mới thở phào nhẹ nhõm. Sau này, năm 2005 tôi không về Hải Hậu bằng con đường số 1 nữa.

Trước hôm đi mấy ngày, tôi cứ đi lại quanh quẩn trong khu nhà Tổ vì thấy quyến luyến không muốn rời xa. Hình như tôi linh cảm thấy có lẽ còn lâu lắm mới trở về chốn này.

Theo gia phả để lại, họ Nguyễn chúng tôi là dòng dõi Nguyễn Bặc (904-979) Đình Quốc Công triều Đinh; Tổ xa đời là Quan Phục Hầu Nguyễn Trãi. Sau họa Lệ Chi Viên, một người con duy nhất của tổ - Nguyễn Anh Vũ - trốn được đến trú ẩn tại Nhị Khê Hà Đông. Các cháu có người chạy vào ẩn trong Thanh Hoá; có người còn đi xa hơn, tới tận Nghĩa Bình. Năm Quang Thuận thứ 5, dưới triều

vua Lê Thánh Tôn, Nguyễn Trãi được minh oan, con cháu được lục dụng. Năm Hồng Thuận thứ 3, triều vua Lê Tương Dực, Cụ Tổ Nguyễn Đại Lăng xin về khai khẩn đất hoang vùng giáp biển thuộc huyện Nam Chân - sau vì kỵ huý đổi là Nam Trực. Cụ cùng với các cụ tổ họ Trần, họ Lại, họ Hoàng mộ dân đắp đê, trùng đồng lập ấp, khu vực Quần Cường được hình thành. Phù sa sông Hồng tiếp tục bồi đắp, đất rộng thêm ra, đến năm Gia long thứ 3 cụ tổ Hữu Thừa Ty Nguyễn Quyền, cháu đời thứ 11 kể từ Tiên tổ Đại Tú Mã Nguyễn Phúc Thành, con thứ 3 Đoàn Quận Công (Chúa Tiên) Nguyễn Hoàng, được cử làm Dinh điền sứ . Cụ cùng các cụ đồng dôi các họ kể trên, thêm các cụ tổ họ Đặng, họ Phạm, khai khẩn đất canh tác xa hơn về phía biển. Lập thêm các vùng Nhất, Nhị, Tam, Tú Trùng, Thượng Trại, Ninh Nhất... trù phú, tất cả gộp lại mang tên Hải Hậu từ triều vua Thành Thái.

Dưới triều Minh Mệnh, cụ tổ Thuyên tài Bá Tước Nguyễn Văn Độ, mời cụ nghệ Ngô Thế Vinh, quê Bái Dương, Nam Trực, tới thiết trường dạy học, ngay tại dinh cơ của cụ, biến làng Quần Phương Trung thành một làng văn vật nhất vùng. Đời nào cũng có nhiều người thi đậu, nếu không ra làm quan thì cũng đem tài năng, đức độ giáo huấn con em và dân làng. Các cụ Nghè Phát, cụ cử Lý, cụ Thủ khoa Thành đều là môn đệ của cụ nghệ Vinh cả. Cụ nghệ Phát văn võ toàn tài, khi thi lãnh mệnh tiêu trừ giặc biển, lúc vâng chiếu làm kinh tế, khai khẩn đất hoang, được thêm 10,000 mẫu ruộng sát biển. Cụ làm quan tới Tú Trự triều đình.

Hồi cụ nghệ Bái Dương ngồi dạy học ở Quần Anh (tên cũ Quần Cường) - về sau vì kỵ húy đổi ra Quần Phương- cụ làm một bài thơ đề vịnh xã Quần Phương Trung :

ĐỀ QUẦN PHƯƠNG TRUNG XA ĐÌNH THI

Hồng Thuận tam niên thử địa đầu
Tứ gia bực trúc chí kim ngưu
Tuế thu hoà mạch liên thương hải
Lộ tiếp kiều đình nhiễu bích lưu
Cầm sách sĩ tòng gia thực xuất
Mã xa nhân tác cấm đường du
Tha niên văn vật thanh danh thắng

Hưu thị nam châu đệ nhất châu.

Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân:

NGÔ THẾ VINH

Nghĩa xuôi:

Xã này mới bắt đầu có từ triều Lê, niên hiệu Hồng Thuận thứ ba,
Xã này có được đến nay là nhờ bốn cụ tổ khai sáng bồi đắp
Hàng năm gặt lúa trải dài ra đến tận bể
Mỗi đoạn đường có cầu, đình, sông chảy quanh co trong làng
Học trò mang đàn, sách từ trường tư thực ra về (ý nói trong xã có người đi học)
Có người đi xe ngựa đến chơi ở nhà cấm đường (ý nói trong xã có người làm quan)
Ít năm nữa, văn vật tiếng tăm lừng lẫy thêm
Lại là một xã đứng đầu các xã về mạn bể phía nam.

Nhà Từ Liệt Tổ họ Nguyễn, kể từ Tiên tổ Nguyễn Phúc Thành đến Tổ thứ 8 kể ngược từ thế hệ của tôi, gần cầu Phe Ba. hàng năm cứ đến rằm tháng giêng, cúng đầu năm và ngày mùng 10 tháng 8, ngày giỗ Tổ, con cháu tất cả các ngành đều đến lễ. Cuộc tế lễ rất linh đình, phẩm vật có cỗ chay cỗ mặn, xôi heo hoa quả; nhà nhạc có chuông trống kèn sáo, quyền nhị, díp phách, có hát ả đào. Mọi người đều vui vẻ và sự xum họp hàng năm này càng củng cố tình thân thiết họ hàng.

Phía ngoài nhà thờ Liệt Tổ có tường hoa, khoảng giữa là bức bình phong xây, đắp nổi hình Long Mã đồ thư. Bên trong nhà thờ có bày vũ khí cổ các loại. Tất cả đều có cán, vỏ sơn son thếp vàng, cấm trong một cái giá hình giải quạt, đặt trước bàn thờ phía ngoài hai cánh cửa sơn đỏ. Sau cửa này là hậu cung. Trong hậu cung có long khám bày bài vị các Tổ. Hậu cung chỉ được mở ra lau chùi và vào những ngày có lễ. Dưới nhà ngang có một cái trống gỗ bịt da tấ lớn. Nhà ngang cũng là nơi để hội họp. Lễ xong, mâm cỗ được bày ra, người tham dự (nam giới từ 18 tuổi trở lên) ngồi lại uống rượu, thừa lộc. Sau đó các ông còn có phần cho vợ con. Phần cụ tôi được biếu một mâm riêng. Cho mãi đến bây giờ tôi vẫn còn nhớ vị ngon dẻo của xôi, oản, thịt gà, thịt lợn luộc do bố tôi mang về. Nghe bố tôi kể thì trước năm 1925, sau khi lễ

Tổ, tất cả các ngành kéo về nhà cụ tôi để thừa lộc. Cổ bàn được bày ra la liệt khắp mấy gian nhà học ra đến hành lang và cả hai sân trước, sân sau dưới những tấm bạt che, vẫn không đủ chỗ. Bọn cháu trai trên 10 tuổi như bố tôi cũng được dự. Mọi người ngồi mâm trên dưới theo thứ bậc địa vị, học vị, tuổi tác. Lúc này cụ tôi đã trên 60 tuổi, sức khoẻ đã kém. Cả họ họp lại đồng ý chia làm 3 chi. Sau lễ Tổ, chỉ riêng chi trưởng ở lại thụ lộc tại nhà thờ Tổ. Những người thuộc hai chi kia sẽ đem phần phẩm vật về nhà ông đứng đầu chi mình và ăn uống tại đó.

Khu nhà của đại gia đình tôi là di sản từ nhiều đời. Toàn thể quần cư này xây trên một khu đất hình chữ nhật, mang một vẻ vững chãi, cổ kính và khiêm tốn. Nhà dựng theo hình chữ Môn, được bao quanh hai phía bằng tường gạch cao có gắn mảnh chai để ngăn ngõ và hông vườn ngoài. Qua cổng gỗ lim đầu tiên sẽ thấy hai dãy nhà song song, mỗi dãy 11 gian. Khoảng giữa hai dãy nhà là căn nhà từ 5 gian, nằm thẳng góc, giữa hai cái sân gạch Bát tràng lớn. Phía trước nhà từ, cách sân trước là vườn hoa với bể non bộ, cạnh đấy có một trụ xây nâng cái lư hương lớn đắp bằng xi-măng là chỗ đốt tiền giấy vàng, bạc, kể cả những mảnh giấy có viết hay in chữ nho. Cuối sân gạch sau nhà từ là một dãy nhà 5 gian hai chái, nằm giữa hai cái bếp lớn. Tất cả 4 khu nhà này đều có nền, cao thấp khác nhau. Nhà từ và dãy có nhà học nằm trên nền cao hơn cả, từ sân phải bước lên 3 bậc mới tới hành lang. Tất cả đều có hành lang chạy dọc suốt các dãy trước cửa nhà - Giữa mỗi chái nhà ngang và mỗi bếp có cổng thông ra cái ao hình chữ nhật. Muốn vào sân sau phải qua hai cổng gỗ lim chỗ hai đầu nhà từ. Ngôi nhà từ này chỉ thờ các cụ tôi từ 7 đời trở xuống. Hai gian hai đầu ngăn với chỗ thờ bằng tường xây. Gian đầu bên tay trái là chỗ bày lều chông, cò quạt, vòng lọng, hai cổ áo vàng tâm. Các cụ tôi cho đặt hai cổ áo chắc từ lâu lắm rồi vì khi tôi hơi lớn đủ trí khôn thì đã thấy hai cổ áo ở đấy. Sau này tôi mới nhận ra rằng các cụ rất bình tĩnh đón chờ cái chết như giấc ngủ dài, hay là thanh thân đi sang một thế giới khác. Cái triết lý ấy phải đến một tuổi nào ta mới nhận ra được, nó làm nên tâm lý “sống gửi thác về” của triết lý an vị nơi các nhà Nho đời trước.

Kể là 3 gian thờ, bàn thờ nào cũng có nghi môn và màn đỏ. Nơi bàn thờ giữa, sát tường có long khám bày bài vị các Tổ ngày thường được phủ bằng những vuông lụa đỏ. Bộ Ngũ sự bày la liệt trên một cái bàn gỗ gụ chạm lộng. Những lư hương chạm rồng, giá nến hình hạc, bình hoa, toàn bằng đồng; nậm rượu, khay trà khảm sa cừ, chén đĩa sứ... Bộ Nghi môn treo rủ xuống từ trên trần đằng sau một bức hoành phi chữ vàng nền đỏ. Sát cột hai bên bàn thờ là đôi câu đối khảm sa cừ lóng lánh trên nền gỗ sơn đen. Phía ngoài bàn thờ là bức bình phong, Trước bức bình phong có một cái bàn thấp hơn, trên bày một cái đỉnh đồng đen dùng để đốt trầm. Hai gian bên thờ những vị được phối hưởng. Sát hông tường bày một cái giá gỗ treo một cái chuông đồng khá lớn, chạm trổ rất đẹp. Gian đầu bên tay mặt nhà thờ, chắt chứa đồ dùng cho những ngày giỗ tết như xanh, nôi, mâm đồng, bát đĩa sứ, dưa mun, dưa son... Các cụ tôi rất kính cẩn trong việc thờ cúng, đặc biệt là chỉ các chú tôi được lau chùi đồ thờ. Việc dọn dẹp, bưng mâm cơm cúng đã có các đầy tớ trai. Đàn bà con gái không được đến gần chỗ thờ! Cách mấy năm một lần cụ tôi sai người đi mua vôi về nung để quét lại tường nhà từ vào những ngày trước Tết. Mỗi năm cứ đến chiều 30 Tết cụ tôi lại sai đem vôi ra về cung tên từ đầu ngõ vào tới tận cổng ngoài để trừ tà ma. Những ngày giỗ, tết, các chú tôi được giao nhiệm vụ coi nhà từ, hướng dẫn khách bưng những quả đựng đồ lễ vào cúng rồi tới gặp các cụ tôi. Nhiều vị còn mang theo pháo để đốt trước sân. Những ngày giỗ, khách tới lễ và ăn cỗ rất đông. Các cụ cho gọi tá điền, đầy tớ tới mổ heo, gà, đánh cá ao để làm các món ăn. Ở những gia đình khác tôi không được rõ, riêng trong gia đình tôi, các bà các cô không nấu nướng mà chỉ hướng dẫn, trông coi cho gia nhân làm. Cỗ thường là những món truyền thống như: măng, ninh, bóng, giò, chả, sào, luộc... Những ngày Tết có thêm bánh chưng, dưa hành. Các món ăn được bày đối xứng nhau trên một mâm đồng lớn. Tráng miệng ngày Tết thường là cam, quýt, dưa hấu, mứt thập cẩm.. Sau lưng nhà từ có hai bể gần kín, chứa nước mưa hứng từ trên hai ngọn cau chảy vào để dùng nấu ăn quanh năm. Hầm nước mưa có cửa, mỗi khi mức nước thì mở lên phía trên, xong lại đóng xuống nên nước lúc nào cũng sạch.

Bố tôi là cháu đích tôn nên được ở 4 gian đầu của dãy nhà 11 gian gần cổng ngoài và một cái bếp riêng. Phải qua cổng thứ hai để vào 4 gian của ông bà tôi. Thường thì ông bà tôi không ở đây mà ở tại ngôi nhà ngoài đầu ngõ, chỗ bờ sông. Căn nhà ngoài bờ sông này xây theo lối kiến trúc mới có nhiều cửa sổ và có gió sông nên rất mát. Mẹ tôi thường ao ước sau này sẽ xin ông bà được ở đây vì nhà ở khu trong xây theo lối xưa, chuộng sự kín đáo và an ninh nên vào mùa hè hơi nóng bức. Trở lại với dãy nhà trong ngõ, kể chỗ ở của ông bà tôi là 3 gian có quây cốt để chứa lúa. Mỗi vụ lúa thu về, bán đi một phần để đóng thuế và chi tiêu. Số lúa còn lại sau khi đã phơi khô, cho vào kho để dành, bán dần mỗi khi cần tiền. Nhà cũng dành lại mấy mẫu ruộng, thuê người trồng lúa thơm, lúa nếp đủ dùng quanh năm.

Đối diện với chỗ ở của bố mẹ tôi, cách cái sân là 4 gian đầu của dãy nhà thứ 2. Bốn gian này ngày xưa dùng làm nhà học và nhà khách. Bên trong kê mấy cái tủ đựng sách chữ nho và chữ Quốc ngữ; Những bộ báo Đông Dương Tạp chí, Nam Phong Tạp chí, Phong hóa Ngày Nay... ông tôi đã đặt mua từ số đầu. Một bộ tràng kỷ, trên mặt bàn bày bộ ấm chén màu gan gà; một cái sập gụ chân quỳ, đầu sập có cái gối mây. Quanh tường treo tranh thủy mặc, những bức trường, những câu đối mừng... Chính tại nhà học này cụ Nghè Ngô Thế Vinh cùng cụ Tổ 6 đời của tôi đã thiết trường. Con gái cụ nghè Ngô kết duyên với cụ cố trên Đầm (Nam Trực). Cụ cố Nam Trực hay chữ nhưng chỉ đậu 3 khoa tú tài, nên gọi là cụ Mền. Cụ chỉ có 3 bà con gái; cụ kết thông gia với cụ Tam nguyên Yên Đổ, cụ Cử Đặng và cụ Thuyên tài bá. Cụ Tổ 5 đời của tôi là học trò đồng thời cũng là cháu rể cụ Nghè Ngô. Kế đấy, qua cái cổng thứ 3 sẽ tới 3 gian, chỗ ở của cụ ông; cách 1 gian kho của cụ ông là 2 gian ở của cụ bà, cửa những gian của cụ bà thường đóng, khi cụ còn tại thế tôi chưa bao giờ dám bước chân vào, gian cuối cùng là kho của cụ bà. Giữa gian cuối này và bếp là một sân nhỏ dẫn tới cái cổng mở ra khu vườn sau dãy nhà này. Trong bếp, cũng là một cái nhà 3 gian, một gian làm chỗ thổi nấu, có xây ngăn chứa trấu. Vào những ngày Đông giá lạnh có mưa phùn, cô Tầm, người gia nhân già thường giải một ổ rơm trước bếp. Chúng tôi ngồi chờ cô vui vào bếp trấu mấy củ khoai hoặc rang ngô, rang lạc, rang bỏng nếp. Chúng tôi

sung sướng thưởng thức mấy thức ăn thơm, ngon, bùi, béo ấy nhưng không dám cười đùa to tiếng vì bếp gần chỗ ở của cụ bà. Hai gian đặt cối xay lúa, cối giã gạo chôn chìm xuống đất, khoảng trống rộng để sàng, sảy khi làm hàng tấm; có chạn đựng thức ăn, có phản cho gia nhân nằm ngủ. Ba gian của căn nhà ngang là khu nhà dệt, thợ dệt chỉ đến làm việc vào ban ngày. Hai gian còn lại được làm nơi chứa lúa thơm, lúa nếp và các loại đậu được cất trong những cái chum, ché lớn. Mỗi khi có giỗ thì hai cháu nhà này sẽ được đặt những giá tre có nhiều tầng để xếp mâm đồ ăn chuẩn bị đãi khách. Trong cái bếp thứ 3, cách xếp đặt cũng tương tự như ở cái thứ 2 nhưng không có cối xay lúa, giã gạo mà chủ yếu là chỗ cất giữ nông, nia, dầm, sàng, thúng, mẹt, liềm, hái, cào (dụng cụ để san thóc cho đều khi phơi)... Tại sân nhỏ trước bếp này còn có chuồng nuôi chim bồ câu.



Ngoài vườn sau có một cây rôm lớn kế bên hông bếp. Một chuồng lợn 2 ngăn, một nhà xí. Một khu trồng toàn trầu, cau và những cây chay cao (vỏ chay dùng để ăn kèm với trầu). Kế mới đến vườn

trồng nhiều loại rau, rau thơm, gừng, hành. Nước tưới rau lấy từ con lạch cạnh vườn. Con lạch này thông từ sông vào cái ao sau nhà dẹt. Trên bờ rạch trồng nhiều mít, đu đủ. Góc vườn trồng bụi tre Mạnh tông để lấy măng, ở góc khác trồng chuối các loại. Bên kia con lạch là một giải đất dài trồng vùng (mè), sắn, khoai, miá, ... Kế là đậu mây, tre ngăn với khu vườn cụ tôi cho gia đình anh Đường, anh Tồn, là hai tá điền làm nhà ở. Một người tá điền nữa, ông Huy, ở phía hông vườn gần cổng chính. Những gia đình này bảo vệ nhà, ngăn trộm cắp và khi nào có việc cần sai bảo.

Cái ao lớn hình chữ nhật, nước không bị tù hãm nhờ có rạch dẫn nước từ sông vào. Xung quanh ao có mấy cây nhãn cổ thụ, ngay lúc còn nhỏ, tôi nghe nói đã được gần trăm năm. Được biết, sau năm 1954 ít lâu, nghĩa là vào hồi cải cách ruộng đất những cây nhãn này vì chiếm nhiều đất nên đã bị đốn bỏ. Tôi thường lên mẹ, đem truyện leo lên cây nhãn ngồi đọc, sợ mẹ thấy sẽ không cho xem vì bị coi là chuyện nhảm nhí. Bà thường dục tôi học, nếu rảnh thì phụ bà đánh ống, đánh suốt để bà có thì giờ dệt lụa cùng với một chị dệt thuê - chị Hương con bà Huy người ở nhờ ngoài đầu ngõ. Tôi nhớ có lần đọc truyện "Ai Hát Giữa Rừng Khuya" của Tchya đến đoạn người đàn bà bị hồn ma xuí dục nhảy xuống chỗ con hổ đang đứng rình ở dưới. Sợ quá tôi lồm cồm bò dậy tính chạy, quên mất là đang nằm trên nhánh cây nên rơi tòm xuống ao. Tôi nghe nói hồi xưa, khi cụ tôi còn nhỏ, cụ có người em 3 tuổi chết đuối ở ao dưới gốc nhãn. Vì vậy cái cổng ra ao chỗ này bị xây kín lại. Ban đêm, không bao giờ tôi dám ra ao. Cây sung cũng to lắm, những hôm nhà có giỗ, gia nhân xuống ao đánh cá, có anh bắt được con giếc con, anh ta vật lá sung, gói con cá rồi cho vào miệng nhai ngon lành. Quanh bờ còn mấy cây khế chua, khế ngọt, chúng tôi thường hái chấm muối ăn. Cành khế dòn nên dễ gãy. Mấy cây bưởi rất sai trái. Vào khoảng tháng 7, tháng 8 hay có bão, bưởi rụng nổi đầy ao. Tôi thích nhất cây vả có những chùm quả đỏ hồng đu đưa trước gió. Mấy gốc chè tươi khá lớn, cụ tôi thường sai hai lá trà, rửa rồi đun sôi, đem ủ để uống dần. Bờ bên kia ao thuộc địa phận nhà ông Bá, con trai thứ hai của cụ. Mỗi bên có hai cầu ao lát bằng những phiến đá xanh. Tại cầu ao thường có giàn mướp chiu quả. Móng tường nhà và bếp đều dùng đá xanh, thỉnh thoảng

từ những hốc ở chân tường có rần khá lớn bò ra. Người lớn nói đó là rần nước nhưng tôi vẫn thấy sợ.

Bà Bá chính là con cụ Giải nguyên Thành. Cụ Thủ Khoa Thành làm quan Ngự Sử trong Triều. Khi Pháp chiếm nước ta, cụ cáo quan về ở làng. Ông bà bá chỉ có hai cô con gái, lúc nào tôi cũng thấy bà và hai cô làm việc canh cửi. Ông Bá cũng như các ông khác cùng hoàn cảnh lỡ dở việc học, không thấy làm gì, chỉ ngồi đọc sách, đi chơi hay tiếp khách đến nhà. Tôi thường sang nhà ông Bá để được các cô hái trái, chặt miá cho ăn. Đầu ngõ nhà ông Bá cũng có một gia đình đầy tớ ở.

Cụ ông tôi là một nhà nho cuối thời, đậu Tú tài xong thì nước mất vào tay Pháp, cụ không thi tiếp, lui về sống cảnh điền viên. Tôi vẫn còn nhớ như in hình dáng cụ lúc nào cũng nghiêm cẩn ở mọi hành vi. Cụ thường mặc bộ quần áo dài lụa trắng, đầu đội mũ ni, chân mang giày gia đình, tay chống gậy trúc quanh quần bên mấy gốc hoa hay bên cái bể có hòn non bộ - đằng trước chỗ ở của cụ, bên hông nhà từ còn một bể non bộ thứ hai - Dáng dấp đẹp đẽ, râu tóc bạc phơ như một tiên ông. Tôi chưa bao giờ nghe cụ nặng tiếng với ai. Cụ thường đem bánh trái cho các cháu chắt. Cụ dấu cụ bà cho tiền người nghèo hoặc những con cháu gặp khi cơ nhỡ, đến gặp riêng cụ. Mấy năm cuối đời, cụ gọi các cháu trai trong họ tới để cụ dạy cho ít chữ nho. Cụ nói để sau này các cháu đọc được gia phả và khấn Tổ tiên.

Theo nếp nhà, tôi cũng như các cô họ không bao giờ tự động bước vào mấy gian cư ngụ của cụ ông. Mãi đến khi được 8 tuổi tôi mới có em trai, Khai là thống tôn của cả họ. Trông thấy tôi ẵm em đi ngoài sân, cụ gọi vào, cho ngồi ghế tràng kỷ. Cụ cho tôi một viên đường phèn, một tách nước trà tàu, y như đối với khách vậy. Đến lúc này tôi mới thấy những thứ bày biện trong chỗ ở của cụ: Một bên là cái giường có nghi môn, chăn nệm màu đỏ. Gian giữa, sát tường có án thư trên có giấy, bút, nghiên, mực tàu; hai ghế ngồi, một bộ tràng kỷ, một bình phong. Gian bên bày tủ đựng sách quý, một cái sập có trải chiếu đậu. Trên sập có bộ bàn đèn. Quanh tường treo bức trướng gấm, những tờ giấy hoa tiên hoặc hồng điều viết chữ đại tự hay những bài thơ, tất cả đều là chữ Hán.

Cụ ngắm nghía khuôn mặt, vạch tai, lật tay xem tướng cho em tôi rồi cụ khen tướng em tôi tốt. Tôi đem chuyện này về kể cho mẹ nghe, mẹ tôi mừng lắm. Ba năm sau mẹ tôi sinh thêm Ruồng, em trai thứ hai. Cụ tôi xem tướng cho Ruồng, có vẻ không được vui và nói số cháu này không bằng thằng anh, dù rằng so với Khai thì em đẹp trai hơn nhiều. Quả nhiên, Ruồng chết yểu khi mới 6 tuổi.

Cụ tôi về già bị bệnh suyễn, theo lời khuyên (chẳng biết của ai) cụ phải hút thuốc phiện để dễ thở. Một người cháu trong họ, hàng ngày tới hầu tiêm. Cơm nước, tắm rửa cho cụ ông đã có một gia nhân còn trẻ phụ trách.

Năm 1952, cụ tôi mất, mẹ tôi kể là dân hàng Tổng đi đưa đám “rộp” cả cánh đồng, họ hàng ở xa cũng về dự, tang lễ rất linh đình. Tuy rằng lúc ấy quê tôi lại mới rơi vào tay Việt Minh, nhưng may, dân chúng chưa bị xử dục đầu tở.

Tôi thường thấy cụ ông tiếp khách thuộc nam giới còn cụ bà tiếp phái nữ. Khách của các cụ tôi thường là các cụ thông gia như cụ Ấm Đổ, Cụ huấn Cửu, cụ cử Thuyên, cụ cử Ruân, cụ nhì Giản... hoặc anh em cụ như cụ chỉ Hoàn, cụ tú Văn, cụ tú Tuấn, cụ tổng Kỳ, ông huyện Tốn, cụ nhì Vạng, cụ phủ Ngô ... Chính cụ phủ có người con trai cả là ông tú Khắc, trong phiên toà của thực dân Pháp xử nhà chí sĩ Phan Bội Châu, ông đã hiên ngang yêu cầu được ở tù thay cho cụ Phan. Hành động như thế là ông tú đã nổi được chí của các bậc trưởng thượng trong gia tộc như cụ cố Thượng Đồng của chúng tôi. Cụ đồ Phó Bảng, làm tuần phủ Lạng Sơn, khi nghe được chiếu Cần Vương của vua Hàm Nghi cụ đã bỏ quan cùng bạn là cụ nghè Phạm Văn Nghị mộ binh chống Pháp. Chẳng may cụ bị bắt, bị tra tấn rồi đầy ra Côn Đảo. Sau cụ mất ở đấy. Còn sản nghiệp kể cả nhà thờ đều bị giặc Pháp đốt hết. Mãi về sau, một người học trò của cụ, ông Đoàn Tuyển làm tổng đốc Nam Định, đã giúp con cháu cụ xây lại nhà tù và xin tập ấm cho cháu cụ để được đi làm. Hồi đó vì đường xá đi lại khó khăn nên có nhiều cụ ở xa, đi cáng đến chơi đã ở lâu đến cả nửa tháng, có khi hàng tháng. Tuy thân thiết nhưng các cụ trò chuyện rất ôn tồn, nhỏ nhẹ.

Chỗ đằng trước khu ở của cụ bà có che một cái giại lớn, dưới kê hai cái phản. Cụ bà tôi thường ngồi tiếp khách tại đây và khi ấy thì phản sẽ được trải chiếu hoa. Nếu cụ ông chỉ đọc sách ngâm thơ

thì cụ bà lại quán xuyến mọi việc. Chính cụ đã làm giàu thêm cho gia đình. Tuy là con gái quan đại thần nhưng lúc nào cụ cũng cần kiệm, làm việc và ăn uống kham khổ. Khi cụ còn trẻ, lúc chưa chia cho các con cháu, ngoài những khu đất cho cấy rê hoặc cho ở nhờ các cụ tôi còn sở hữu khoảng 200 mẫu ta ruộng. Sau mỗi vụ lúa, tôi thường thấy cụ tôi lom khom đi khắp sân để khảy những hạt lúa còn kẹt trong các kẽ, góc sân. Ngồi tại cái phản cụ bà có thể kiểm soát được cả bốn phía: không ai lấy trộm lúa được, thợ dệt, gia nhân không thể vừa làm vừa chơi; hai kho ở hai đầu nhà từ chỉ có cửa trở về phía sân sau. Cũng tại nơi phản này, tôi thường quanh quẩn bên cụ bà để vừa ngoáy trâu cho cụ, vì rằng cụ đã rụng hết, vừa nghe cụ kể lại những chuyện cũ.

Thành thật mà nói, khoảng thời gian từ 1946 đến đầu năm 1950 là thời kỳ vui vẻ nhất của đại gia đình tôi. Hai cụ tôi, ông bà tôi được xum họp với đủ mặt con cháu, chất; lại thêm họ hàng xa gần từ trên tỉnh tản cư về nữa. Thời ấy tuy quê tôi nằm dưới chính quyền Việt Minh nhưng vì có lẽ đang cần tranh thủ sự giúp đỡ của mọi tầng lớp dân chúng nên chưa dă động gì tới cải cách, trưng thu ruộng đất. Lợi tức ruộng vườn của nhà tôi vẫn còn nguyên vẹn. Đời sống của chúng tôi không có gì thay đổi. Những ngày mùa, thuyền chở lúa từ Tam, Tứ Trưng kéo về đậu đầy bến sông. Cảnh tượng tấp nập đông vui. Bọn trẻ con chúng tôi đuổi nhau chạy nhảy từ thuyền này sang thuyền khác.

Sau ngày Nhật đảo chánh tháng 3 năm 1945, bố tôi bỏ nhiệm sở ở thượng Lào, cùng hai người hầu đi bộ, vượt qua bao nhiêu đường rừng núi, có lúc tưởng chết, mãi đến cuối năm mới về được đến nhà. Đến năm sau, toàn quốc kháng chiến, cũng như bao nhiêu người cùng thế hệ với ông, ông theo kháng chiến, vì cho rằng đó là con đường giúp nước. Bố thường xuyên vắng nhà, mẹ con chúng tôi ở mấy gian đầu kế cổng ngoài nên tá điền thường ghé ngồi chơi uống nước, kể chuyện nọ kia cho mẹ tôi nghe. Mẹ tôi vốn bình dân và thích đọc báo, theo rồi thời sự nên cũng có nhiều chuyện để kể với họ. Tuy những ngày đói đã qua rồi mà người ta vẫn còn kể lại nhiều chuyện. Năm Ất Dậu 1945, nhà giàu thôn quê cũng hết lúa vì

do hạn hán, vụ mùa năm 1944 bị thất thu, thêm mùa đông năm đó quá lạnh, mạ chết gần hết, lại bị cả Pháp lẫn Nhật thu thuế. Chúng ép bán lúa rẻ cho chúng; nhiều nơi chúng bắt phá mạ để trồng đay nên lương thực cạn kiệt và nạn đói xảy ra. Có người kể đã gặp những quán bán thịt người bên đường. Bấy giờ chúng tôi sợ người lạ hơn là sợ xác chết. Cảnh tượng đã trở nên quen mắt, xác người đầy rẫy ngoài đường, mé nước dọc bờ sông. Mỗi sáng, ngồi tại căn nhà bên sông, tôi nhìn thấy những xe ba gác chở xác người đi qua cầu xuống MỘC, đem ra ruộng chôn. Dư luận đồn rằng có kẻ bắt trẻ mập mạp giết lấy thịt ăn hay đem bán. Bản thân tôi đã được mục kích một gia đình giết người ăn thịt bị bắt riều đi quanh làng cho mọi người nhận mặt. Nghe nói gia đình này là dân ngụ cư tới ở chỗ ngã ba sông vắng vẻ, cách nhà chúng tôi chỉ độ 2 km. Năm sau nhờ trời lúa lại tốt, người ta cho là tại xác người chôn nông, rửa ra đã bón cho cây lúa. Có một thời chúng tôi không giám ăn cua và cá trê bắt ngoài đồng. Cuối năm 1946, họ hàng chúng tôi từ trên thành

Đông đến Chợ Đình đã có đến mấy hiệu phở, mấy hiệu cà phê. Lại có cả bánh tây nữa. Mẹ cho tôi đến học đàn, thêm với một thiếu phụ rất đẹp mà lâu ngày tôi đã quên tên. Tôi có nhiều bạn “tĩnh thành” xinh đẹp cả người lẫn y phục: Nhung, Hồi, Muội, Thúy Quỳnh, Ngọc Quỳnh, Bích Lan, Diễm, Minh Nguyệt, Nhiệm, cô họ tôi... Các bạn tôi bây giờ chẳng biết ở đâu ?

Chúng tôi học lớp Năm, lớp Tư với ông giáo Tiêng, lớp Ba với thầy giáo Cù, lớp Nhì với thầy giáo Mai, lớp Nhất với thầy giáo Liên. Ông giáo Tiêng và thầy Mai là người trong họ. Ông giáo Tiêng mặc áo the đen, quá già, yếu, mắt kém nên học trò nghịch phá ồn ào. Thầy Mai nghiêm khắc nên chúng tôi rất sợ; nhưng cũng chính thầy Mai chỉ cho chúng tôi cách chống rét trong những ngày đông bằng cách quấn giấy báo vào người trước khi mặc áo. Chẳng hiểu các bạn có theo lời khuyên của thầy ? Riêng tôi thì không ! Thầy Cù có gia đình và mấy người con còn nhỏ. Tôi nghe nói những tháng vì chiến cuộc, chậm lương, thầy phải đi gặt lúa thuê để có thêm tiền chi tiêu. Thầy



phố Nam Định và vùng Nam Trực kéo về làng tôi tá túc, gia đình các ông Đốc Long, gia đình ông Cả Chung, gia đình ông Tham Thành, bác Phan Thiện Giới, bác tham Quỳnh, gia đình ông phán Bích... , được các cụ tôi thu xếp chỗ ở đàng hoàng. Dân tản cư đổ về càng lúc càng đông khiến vùng quê tôi vốn là nơi vắng vẻ, trù phú càng thêm vui vẻ. Hàng quán đủ mọi loại được dân tản cư mở ra. Chỉ riêng một khoảng đường chừng 2km từ Cầu

Cù và thầy Liên rất hiền.

Những năm lớp Nhì, lớp Nhất, mỗi khi Tết đến, thầy chúng tôi dạy các học trò trai đóng kịch, còn nữ sinh chúng tôi được học múa. Thầy Liên dạy chúng tôi những màn múa để diễn xen vào trong vở kịch thơ” Mỵ Châu Trọng Thủy”. Cánh Tiên là hai cái khăn quàng bằng voan, buộc vào hai cánh tay. Thầy chọn Đền Chánh để chúng tôi tới tập múa vì nơi đây vắng người, không bị trẻ con

theo chọc ghẹo. Nghe nói Đền này thờ một bà hoàng hậu cuối triều Minh bên Tàu; nước mất, vua chết, bà gieo mình xuống biển tự tử. Xác trôi ngược vào sông Hồng, đến làng tôi. Theo truyền thuyết thì một đêm có vị bô lão trong làng nằm mơ thấy bà hiện lên báo mộng và xin chôn cất cho bà. Sáng hôm sau vị lão ông này ra bờ sông thấy xác một người đàn bà, áo xiêm đẹp đẽ tấp vào bên bờ, vẻ người vẫn còn tươi nhuận như đang ngủ say. Ông liền báo cho dân làng. Dân làng vớt xác bà lên, tắm liệm, kính cẩn an táng và lập đền thờ. Nghe nói rất linh thiêng.

Trường chúng tôi do tình hình chiến cuộc phải di chuyển nhiều lần. Lúc đầu chúng tôi học tại nhà thương cũ, có vườn phía trước. Học trò đông thêm, những lớp lớn được chuyển sang học bên đình làng, nơi thờ Thần Thành Hoàng và cũng chính là một trong những Tổ của chúng tôi. Khi máy bay Pháp bắt đầu tới ném bom, riêng lớp lớn chúng tôi được chuyển sang học nhờ bên Văn Từ. Văn Từ thờ Khổng Tử và các Tiên hiền, những vị có khoa bảng, làm quan cũng được phối hưởng. Mỗi năm vào tháng 2 và tháng 8 tại Văn Từ và Văn Chi đều có tế lễ (Xuân Thu nhị kỳ). Ở đây vẫn còn gần đình lớn và sông cái dễ là mục tiêu bắn phá nên lớp học lại được chuyển sang nhà thờ họ Nguyễn ở giữa làng. Kế đến lại chuyển sang học bên nhà thờ họ Trần, chi Xã Thượng. Có nhiều hôm đang ngồi học, nghe tiếng máy bay ầm xa xa, thế là thầy trò tôi vội vã chạy ra những hầm đào lộ thiên ngoài vườn hoặc dọc bờ sông để ẩn. Đã có vài trái bom ném trúng nhà dân bên Trục Ninh khiến mấy người dân vô tội thiệt mạng. Gần cuối năm lớp nhất, cả phủ Hải Hậu bị Pháp chiếm và trở thành vùng tề. Trường tôi lại được chuyển trở lại Đình làng xã Trung. Chợ Xã Trung họp ngay trước Đình, khá lớn, kéo dài đến tận bờ sông. Vào những ngày phiên hay chợ Tết, người buôn bán từ các miền lân cận đi bộ hoặc đi thuyền, gồng gánh tới họp rất đông. Cây đa ở cuối chợ có lẽ cũng đến vài trăm năm. Chúng tôi thích tụ họp, chơi đùa dưới gốc đa có tàn xoè rất rộng. Hồi đó còn bé, tôi chẳng để ý xem bọn con trai chơi những trò gì vào giờ ra chơi. Riêng bọn con gái chúng tôi quanh đi quẩn lại chỉ biết chơi nhảy dây, chơi chuyền đuă, chơi ô quan ... Vào dịp Tết chúng tôi thường rủ nhau đi lễ chùa. Chúng tôi thích tới chùa Lương thuộc xã Thượng, vừa to, đẹp

vừa có ao sen lớn trước cửa Tam Quan. Chùa Lương là nơi Thượng tọa Thích Đức Nhuận quy y và tu ở đó trước khi di cư vào Nam năm 1954. Chợ Lương cũng họp gần đấy. Mỗi phiên chợ Lương mẹ tôi thường dẫn tôi theo, đem lụa đi bán rồi mua tơ về dệt. Gần chùa Lương còn có Cầu Ngói. Đọc sách tôi được biết đây là 1 trong 3 cây cầu cổ có mái đẹp nhất ở Việt Nam. Cầu Ngói ở chùa Thầy Sơn Tây, cầu Chùa ở Hội An, cầu Ngói ở Quần Phương đều có kiến trúc giống nhau. Thỉnh thoảng tôi theo bà tôi lên chùa xã Trung; chùa này tuy không được to bằng chùa Lương nhưng lại gần nhà và cũng thân tình hơn. Có những ngày Tết, buổi tối tôi theo các cô họ tôi trước Tam quan chùa xem hát chèo. Cụ tôi tuy là nhà Nho nhưng cụ bà có cúng vào chùa một mẫu ruộng tốt. Vào những ngày sóc, vọng, cụ sai anh bà Mối gánh hoa quả, vàng hương lên chùa. Trong thời gian sống ở làng, tôi cũng được mấy lần xem đám rước Kiệu từ Đền này sang Đền khác. Những người có phận sự trong đám rước đều trang phục theo lối xưa từ quần áo cho tới nón giầy. Xiên linh là động tác lôi cuốn người xem nhiều nhất..

Các bạn tôi lác đác đã có người theo gia đình hồi cư về tỉnh. Tuy vậy, tại kỳ thi Tiểu học, tổ chức ở nhà thờ Ninh Cường vẫn còn đông. Trước kỳ thi tiểu học, thầy Liên cử một số học sinh đi thi học sinh giỏi của phủ Hải Hậu tại ngôi trường ngoài Đông Biên. Chúng tôi thi hai môn Toán và Luận văn. May sao tôi lại đậu đầu. Đến nay tôi vẫn còn giữ được tấm giấy khen có chữ ký của ông Vũ Quý Thoa: Quận phó Ban Quân chính quận Hải Hậu, thêm 2 chữ ký của ông Cố vấn Học chính và Ủy viên Học chính quận Hải Hậu. Thầy Liên còn ghi thêm vào sau tờ giấy hàng chữ: “Em Nguyễn Thị Huyền thủ khoa miền Hải Hậu niên khoá 1950” rồi thầy ký tên bên dưới. Mỗi khi nhìn lại tờ giấy này tôi lại băng khuâng tự hỏi: không biết bây giờ thầy tôi ra sao? Thầy Liên hồi đó chưa có vợ con và còn trẻ, có lẽ thầy mới ra trường. Một thời gian thầy bị bệnh, em thầy là thầy Quỳnh dạy thế. Sau tôi nghe nói thầy Quỳnh dạy Toán ở Đại học.

Phần thưởng gồm có một cây bút máy Waterman, một cuốn sách dạy tiếng Anh L’Anglais Vivant, một cuốn Tự điển Pháp Việt nhỏ, vài cuốn vở, mấy cây bút chì đen và xanh đỏ.

Khi tôi đem phần thưởng vào trình lên cụ ông tôi (cụ Bà tôi mới mất năm trước trong hoàn cảnh quân Pháp đang hành quân ở vùng bên; chú Ba tôi cũng đã hy sinh trong thời gian này nên tang lễ của cụ bà tôi chỉ làm đơn giản thôi), cụ tôi tỏ vẻ vui nhưng lại khuyên: “Thôi, con là gái, học như vậy cũng đủ rồi ! Bây giờ ở nhà học tập canh củi, giúp mẹ con trông coi ruộng vườn !”. Tôi mới có 13 tuổi ta mà nghe đâu đã có đám đánh tiếng !! Theo thói tục ở quê tôi thì đấy cũng chỉ như một cách đặt cọc, giữ phần rồi cũng phải 3,4 năm sau mới làm đám cưới. Có lẽ họ hy vọng mai sau tôi cũng sẽ đức hạnh, đảm đang như mẹ tôi !.

Tôi kể lại lời dạy của cụ tôi với mẹ. Mẹ tôi không nói gì nhưng xem ra không đồng ý với cụ tôi. Mẹ tôi vốn dòng dõi nhà nho, bà rất thông minh, tuy ngày trước phụ nữ ở thôn quê không được đi học nhưng bà lại rất trọng việc học và có quan niệm tương đối mới mẻ về địa vị trai gái trong xã hội. Thuở nhỏ nhà mời thầy đồ đến ngồi dạy học cho các cậu tôi, bà cũng được học nên khá giỏi Hán Nôm. Còn chữ Quốc ngữ, bà chỉ học lóm thôi mà cũng có thể viết và đọc trôi chảy. Bà rất rành sử Tàu, sử Ta; hăng diện về các anh hùng dân tộc; biết rõ tác giả và thuộc lâu các chuyện Nôm, các khúc Ngâm; biết nhiều câu danh ngôn của người xưa. Sang đến Úc tuy đã 70, 80 tuổi, bà còn nói em tôi xin cho một bà thiện nguyện tới dạy ông bà tiếng Anh. Nhờ vậy khi phải nằm trong bệnh viện, bà có thể nói những câu đơn giản để y tá người Úc hiểu được. Bà rành thời sự nước Úc và thế giới còn hơn cả chúng tôi! Bà có những nhận xét rất sâu sắc về các Đảng phái, cân nhắc cẩn thận trước khi đi bầu.

Trong thâm tâm, mẹ tôi lúc nào cũng gắn bó với ruộng vườn. Về làm dâu họ Nguyễn từ năm 15 tuổi. Sau ngày cưới bố tôi lên tỉnh tiếp tục đi học, bà vẫn ở lại quê. Làm con dâu trưởng một gia đình giàu có ở thôn quê, tuy không phải chân lấm tay bùn nhưng lại có rất nhiều bổn phận phức tạp. Chỉ mãi 10 năm sau bà mới sinh tôi và bố tôi cũng vừa có việc làm. Bà bỗng tôi lên tỉnh xum họp với bố tôi được dăm năm. Khi bố tôi phải đi xa, bà lại đem 2 con gái về quê sống với khung cửi, vườn rau. Mẹ tôi lúc nào cũng ăn mặc xoàng xĩnh, quần đen áo vải; tuy rằng với địa vị của bà, với lợi tức thu được, bà có thể sống cuộc đời phong lưu nhàn nhã. Mẹ tôi có một đam mê với ruộng đất, hẳn có

được tiền để dành là bà lại tìm mua ruộng. Tôi còn nhớ có lần bà dẫn tôi đi mua ruộng của nhà ông bà Ký, thân sinh nhà văn Mai Thảo. Năm 1954 vào Nam, bố tôi vì một bất mãn gì đó nên nghỉ hưu sớm. Mẹ tôi lại càng tần tiện hơn, ăn uống kham khổ, thu xếp mua vài căn nhà nhỏ để lấy tiền cho thuê nuôi các con ăn học đến nơi đến chốn, tùy theo ước vọng của mỗi chúng tôi. Sau năm 54, đất đai mất hết; sau năm 75, nhà cửa bị tước đoạt. Bà thường buồn rầu than : “Số mẹ là số trâu trắng nên chẳng giữ được gì !”. Tôi quên không hỏi tại sao số trâu trắng lại vậy. Bây giờ thì Mẹ đã mất! Còn biết bao nhiêu điều con chưa kịp hỏi mẹ, Mẹ ơi!!

Những ước mơ thời trẻ không được trọn vẹn; cuộc đời làm dâu, làm mẹ gặp nhiều nỗi đắng cay; lòng nhân hậu, rộng rãi đối với mọi người; tính cần kiệm, hiếu học; tính chân thật, ngay thẳng và trên tất cả là gương hy sinh cho chồng con của Bà có lẽ tôi sẽ phải viết trong một bài riêng mới đủ.

Ông ngoại tôi có tinh thần yêu nước cực đoan. Cụ bỏ thi, tham gia phong trào Văn thân và giống như một số nhà nho khác bản thân nhất định không học chữ Quốc ngữ còn cấm con trai học thứ chữ đó. Đầu thế kỷ 20, thời thế và xã hội dần dần thay đổi. Với sự ổn định của chính quyền thực dân cùng với việc bỏ thi chữ Hán thì việc đòi hỏi phải biết chữ Quốc ngữ và rồi là chữ Tây mới có công ăn việc làm đã gây nên những thay đổi đến gốc rễ Nho học. Bác tôi vì sinh kế, phải lên đi học Quốc ngữ và chữ Tây, đến khi được bỏ đi dạy học rồi lúc đó ông tôi mới biết. Đến lúc ấy thì cụ đã có chút thay đổi là nhượng bộ cho đám con trai được đi học.

Hồi nhỏ tôi thường theo mẹ về quê ngoại mỗi khi có giỗ tết, sau này khi đã trên 10 tuổi thì tôi tự đi một mình. Bác tôi có nhiều sách, tôi thích ra mượn đọc.

Muốn sang quê ngoại tôi phải đi qua cầu Phe Ba. Có người gọi là cầu Giáp Tam. Cây cầu được xây từ lâu lắm rồi, uốn cong ở giữa để thuyền bè có thể lọt qua bên dưới. Cầu được nâng bằng những cột lớn xây hình trụ, có chân chìm dưới hai bên ven sông. Sông chỗ này là khúc quanh chảy ngang ngôi nhà xây theo lối mới của ông bà nội tôi. Từ ngôi nhà này, tôi có thể thấy được mọi cảnh vật xung quanh cây cầu. Bên này sông, cây cầu chạy

thẳng xuống Mọc - con đường giải đá - hai bên là những thửa ruộng loại “nhất đẳng điền”, cụ tôi dành cho bố tôi - cháu đích tôn - và chú Sáu tôi. Chú sẽ dùng hoa lợi thu được để hàng năm giỗ tết về bên cụ cố Thượng Đồng. Con đường này cũng chạy ngang qua nhà cụ Ấm Đôn, thông gia của cụ tôi. Nhà các tá điền cũng nằm rải rác hai bên con đường này. Từ đầu cầu nhìn sang phía tay trái là đình Giáp Tam, xây hình chữ Công. Xế lên một chút về phía tay mặt là đình Giáp Tú. Bên trái đầu cầu còn có điểm canh, đối diện điểm canh là nhà anh mổ heo. Từ đầu cầu, rẽ sang tay trái, qua đình Giáp Tam là tới nhà thờ tổ chung của họ Nguyễn. Đầu cầu bên kia nhìn thẳng vào căn nhà xây theo hình chữ L của ông nho Ích. Ông nho Ích chữa bệnh đông y và bán thuốc Bắc. Hai bên nhà ông nho Ích có hai ngõ, ngõ bên tay trái vào nhà thờ Tổ họ Vũ, ngõ bên tay phải vào nhà Vũ Thành An. Kế nhà thờ họ Vũ là ngõ vào nhà ông bà thân sinh của cố võ sư Việt Võ Đạo Trần Huy Phong; bà thân mẫu của ông cũng thường được khen là “đẹp cả người lẫn nét”. Hai bên đầu cầu, sát bờ sông có mấy quán bán quà vật.

Từ đầu cầu Phe Ba, phía đường giải nhựa, đi ngược lên ngang qua cầu Phe Nhì, Phe Nhất tới cầu Đông. Suốt quãng đường này hai bên sông là những ngõ giải nhựa dẫn vào nhà thờ họ Trần, họ Nguyễn, Chùa xã Trung. Những ngõ dẫn vào gia đình các cụ Bá, cụ Nhì Vạng, Cụ Kép, cụ nhì Giản, cụ Tú Vỹ, cụ huấn Cửu, nhà ông châu Cẩm, cụ cử Ruân... nhà anh em chú Tuệ, nhà Vũ Mậu Lâm, nhà cô Nhiệm, nhà ông ngoại Đặng Đức Kim

Từ nhà ông nho Ích, nếu đi xuôi xuống chợ Đình, qua cầu Phe Tư, tiếp đến cầu Phe Năm, Phe Sáu,... Cầu Ngói là cây cầu chót của 10 cây cầu bắc ngang qua khúc sông chảy qua 3 làng Quần Phương. Khúc sông quanh co uốn lượn êm đềm qua nhà thờ họ Lại, họ Vũ, họ Trần; qua những dinh cơ đẹp đẽ của cụ Tổng Bảng, cụ cử Thuyên, cụ nghị Hoàn, cụ tổng Huyền, ông bá Tình, ông Huấn Cáp, cụ phủ Luyện, bác giáo Châu, cụ chỉ Hoành, cụ đề Đại, ông Phủ Đình, chùa Lương Sông sẽ chảy sang Trục Ninh, rồi phân ranh với Phủ Xuân Trường.

Họ Nguyễn chúng tôi, trải qua nhiều đời sống trên một vùng rộng, bao gồm các huyện Xuân Trường, Nam Trục, Trục Ninh, Hải Hậu. Riêng chi thứ ba,

phần lớn sống tại tổng Quần Phương gồm 3 làng: xã Thượng, xã Trung, xã Hạ. Bởi vậy dân cư suốt dọc hai bên khúc sông chảy qua 3 làng này đều có họ hàng nội ngoại với nhau. Quanh quần trong mấy họ: Nguyễn, Trần, Vũ, Đỗ, Phạm. Ông bà ngoại của bố tôi chỉ sinh được ba bà con gái. Các cụ chọn gả cho 3 dòng họ gần mà các cụ còn phải đi lễ nhà tù. Bà tôi nổi tiếng đẹp, ngay cả đến khi đã già; thọ 87 tuổi. Ông bà tôi chỉ có 8 người con trai, không sinh được một cô con gái nào để thừa hưởng vẻ đẹp của bà. Đến thế hệ chúng tôi, may có em gái tôi là còn có được vài nét thanh tú của bà. Bà tôi thích mặc áo the, váy lụa, khăn nhiễu tam giang. Trên 50 tuổi, khi các con đã trưởng thành, ông bà tôi chia cho những người đã có gia đình một số ruộng. Ngoài những ngày mùa bận rộn, bà thường dẫn tôi đi thăm họ hàng. Chính nhờ những buổi thăm viếng này đã ghi vào trong ký ức tôi để ngày nay tôi mới còn nhớ mà kể lại. Cũng có khi bà tới nhà các con, đánh giúp cho con dâu ít ống, suốt. Những năm bố tôi vắng nhà, thấy mẹ con tôi neo đơn, mỗi tối bà tới ngủ chung với tôi. Chưa ai nghe được bà nói xấu con dâu nào bao giờ.

Từ cầu Đông rẽ sang tay mặt, đi dọc theo đê sông Đào, lại qua một cái cầu bắc ngang một nhánh sông nhỏ, đi thêm một quãng nữa, nhắm nóc nhà bác tôi vươn lên khỏi vườn cây xanh, tôi đi tắt men theo lề vài thửa ruộng để tới nhà ông Năm. Ông là em khác mẹ của ông ngoại tôi và cũng đã mất. Cũng như nhiều nho sĩ “sinh bất phùng thời”, thi cử lỡ dở, ông giải buồn bằng tiếng hát cô đầu và những canh bài, gia tài tiêu tan gần hết. Trên đường đi, tôi thường dừng lại để trả lời những câu thăm hỏi của bà.

Ở hàng rào nhà bà Năm có lối thông sang khu nhà ông ngoại tôi. Tôi sẽ đi qua vườn sau, qua lối đi ngăn giữa hai cái ao. Con đường nhỏ này nằm giữa hai dinh cơ: một bên là khu nhà cổ, chỗ ở của ông bà ngoại cùng các con dòng chính; một bên là khu nhà mới xây, chỗ ở của mẹ con bà thứ. Riêng bác tôi sau khi đi dạy học ít lâu bác xây được căn nhà hai tầng. Chúng tôi gọi là nhà Tây, nằm giữa hai khu vườn trước trồng dâu chen lẫn cây ăn quả. Qua vườn trước là một cái ao lớn chung cho cả hai dinh cơ. Cái ao này cũng thông với con sông chảy ngay bên ngoài hàng rào bằng

một ống cống xuyên dưới đường đi. Bên tay phải khu nhà cổ, ngôi nhà từ của các cụ ngoại, lớn hơn nhà từ bên nội nhưng cũng tối hơn vì có nhiều cột gỗ lim. Sau năm 1954, họ hàng nghèo đi nên xây lại một ngôi nhà từ nhỏ hơn để lấy những cây cột gỗ lim đem bán chia nhau !

Sau khi qua bờ ao sau sẽ tới vườn cây ăn trái rồi mới tới cổng sau. Nếu muốn vào cổng trước thì tôi sẽ phải đi vòng xa hơn nhiều lắm. Trên bờ ao sau nhà ông ngoại tôi cũng có một cây sung cổ thụ. Gia nhân kể rằng đã từng thấy ma dưới gốc sung. Chẳng biết có thật không, nhưng hồi đó tôi sợ lắm. Ngay cả ban ngày tôi cũng tránh, dù rằng gần gốc sung có một cây táo trái rất dòn, rất ngọt. Chính vì vườn cây trái mà hồi nhỏ tôi thích sống ở bên ngoại hơn ở bên nội, và lại tôi có nhiều di (con bà thú) chiều chuộng tôi.

Gia đình bên ngoại tôi nối đời gắn bó với của Khổng, sân Trình. Nếu có làm quan thì cũng thanh liêm. Các cụ bà khéo trồng dâu nuôi tằm, kéo tơ , dệt củi lại cần kiệm nên cũng có của ăn của để. Nhưng khi ông ngoại tôi tham gia phong trào Văn thân bị bắt, gia đình phải bán gần hết ruộng đất để chạy chọt. Một phần cũng nhờ cụ cố ngoại tôi vốn làm quan Án sát, tuy về hưu từ lâu nhưng cũng còn bạn bè tại chức nói giúp cho nên ông tôi mới được tha. Ông ngoại tôi về làng đọc sách, thỉnh thoảng bốc thuốc chữa bệnh làm phúc. Theo lời mẹ tôi thì ông ngoại tôi lấy và đoán số Tử vi rất giỏi. Những điều ông đoán về hậu vận của mẹ tôi và cậu tôi đều đúng cả. Ông bà ngoại tôi mất khi tôi mới được một, hai tuổi. Những gì tôi biết được về ông bà ngoại là nhờ mẹ tôi kể cho nghe. Mẹ tôi thường nói: “Gia đình ông ngoại tiếng cả nhà thanh”.

Bà ngoại tôi vốn con quan Án sát Quảng Yên dưới triều Tự Đức, quê ở Trục Ninh. Chưa tới tuổi 40, bà tôi thấy mình hiếm hoi chỉ có một trai, hai gái; vả lại bà cũng muốn tu tại gia nên đã tự mình đi cưới cho ông tôi một bà hầu thiếp. Bà tôi đã nuôi 7 người con bà Hai như con đẻ. Bà Hai cũng hiền thực, siêng năng, biết điều. Nhờ vậy giữa hai bà không bao giờ có chuyện xô xát. Cậu Trấn, con bà Hai, sau khi tốt nghiệp trường Kỹ Nghệ Thực Hành Hải phòng đã tham gia Việt Nam Quốc Dân Đảng cùng với một người em rể. Năm 1946, cậu Trấn cùng chú Vinh tôi bị Việt Minh bắt. Cậu Trấn lãnh án 20 năm tù khổ sai, chú Vinh bị đánh

quê đến thành tàn tật suốt đời. Nhà của, tài sản bị tịch thu hết. Sau này được tha ra, cậu tôi phải cùng vợ con dắt nhau lên tỉnh làm ăn. Cậu chỉ được làm nghề sơn xe đạp; mợ thì bán quà vặt. Các con cậu mợ, thậm chí phải thay tên đổi họ, làm con nuôi cho người để có thể đi học. Các em đều tốt nghiệp đại học. Có điều, khi đi làm, bị điều tra lý lịch kỹ , các em tôi không được giữ những địa vị quan trọng. Con cậu tôi có một em tốt nghiệp ngành Vật lý hạt nhân, hạng cao. Em ở trong phái đoàn tiếp thu lò nguyên tử Đà Lạt. Nhưng vì cơ quan này trực thuộc bộ quốc phòng nên em tôi bị yêu cầu xin nghỉ việc.

Đến khi thi xong tiểu học thì các bạn gái của tôi theo gia đình hồi cư hết. Mẹ tôi cho tôi tiếp tục học lên Đệ thất (lớp 6 bây giờ) ở một trường tư, do một số thanh niên có học trong làng lập ra. Nhìn quanh, chỉ có mình tôi là gái còn đến trường. Cuối năm 1950 bố tôi bị Tây bắt ở Ý Yên, bên quê ngoại đem về giam tại nhà Máy chai Nam Định. Nhờ người cai tù vốn là lính hầu của ông ngày trước, ông liên lạc được với ông chú nguyên Hữu Tuý và ông bạn Vũ Vinh Thăng. Hai ông này bảo lãnh cho bố tôi ra và cũng kiếm việc làm cho ông nữa. Sau khi cuộc sống đã ổn định, bố tôi nhắn mẹ cho tôi lên Hà Nội với ông để tiếp tục việc học. Tình hình chính trị và quân sự càng ngày càng trở nên xấu. Dần dà gia đình các chú tôi và nhiều người trong họ hàng tôi đã lên Nam Định hoặc đi Hà Nội. Ông bà tôi cũng đang chờ tin tức của hai chú Sáu, Bảy kẹt trong Thanh Hoá, rồi cũng sẽ đi thôi. Chỉ còn mẹ tôi tiếc nuối cơ nghiệp của các cụ, và chính bà cũng đã đổ ra biết bao mồ hôi, nước mắt bồi đắp thêm nên bà chần chừ chưa chịu bỏ đi. Riêng tôi từ khi ra Hà Nội, không còn về thăm quê lần nào trước khi vào Nam.

Những hình ảnh thời niên thiếu sống ở quê nhà hiện ra trong trí tôi có cái rõ rệt, có cái mờ nhạt và thời gian sau trước cũng lộn xộn. Nhưng mà những điều sâu đậm nhất thì cứ tưởng như mới xảy ra rất gần đây, như mới hôm qua, mặc dù đã hơn 50 năm có lẽ. Tiếng nói mợ hồ như từ cõi xa xăm của chú tôi đánh thức tôi trở về thực tại: “Sắp tới rồi “. Thế ra bây giờ xe có thể về thẳng quê tôi mà không phải qua phà Tân Đệ nữa. Phà bây giờ đã thay bằng một cây cầu mà vì cảnh

vật chung quanh sông cũng thay đổi nên tôi không còn nhận ra nữa. Kể thì tiện lợi thật, nhưng vẫn gico vào lòng tôi nỗi nhớ thương bến phà lớn của quê hương tôi với nhiều kỷ niệm cả vui lẫn buồn. Cũng như cây cầu Mỹ Thuận ở trong Nam cũng làm tôi thương nhớ những buổi chiều qua phà, nhìn khói sông mờ mờ trên sông rộng mênh mông. Nhiều thế hệ gia đình tôi đã qua bến Tân Đệ lên tỉnh học. Có nhiều vị vác lều chông đi thi, vinh qui bái tổ trở về, toại nguyện giấc mơ: “Ngựa anh đi trước vồng nàng theo sau”; nhưng cũng không hiếm người nhìn sông nước ngậm câu: “Đệ nhất buồn là cái hồng thi”!

Hồi đầu thế kỷ 20, thương gia Bạch Thái Bưởi đã lập ra một đội thương thuyền chạy đường sông Nam Định, Hà Nội, Hải Phòng và cả đường biển nữa. Công việc kinh doanh của ông rất phát đạt; ông trở thành nhà cự phú Bắc Việt. Ông thường giúp đỡ tài chính cho các hoạt động Đông Kinh Nghĩa Thục và Đông Du. Thực dân Pháp vừa ghen tức vừa lo sợ nên đã âm mưu triệt hạ ông. Chúng thuê người chờ đêm tối lén lặn xuống sông đục phà. Phà ra đến giữa sông thì chìm! Giòng sông Hồng đang mùa nước lớn đã cướp đi biết bao nhiêu sinh mạng. Những vụ kiện cáo, bồi thường, phạt vạ khiến ông bị phá sản. Riêng họ tôi cũng bị thiệt hại lây: Hai vị cử nhân Hán học, anh em ruột, cậu họ mẹ tôi đã bị chết chìm!! Tôi ngồi thẳng dậy nhìn ra hai bên đồng ruộng. Cánh đồng đã gặt xong và đất cũng đã cày bừa rồi, đang chờ cấy mạ nữa thôi. Nhờ có mưa xuân, nước lấp xấp mặt ruộng. Như vậy là tốt cho nhà nông rồi. Ruộng Hải Hậu vốn ngày xưa vẫn được coi là vùng “bờ xôi, ruộng mật”. Vì đã là 28 Tết, trời lại có mưa phùn nên vắng bóng người trên các cánh đồng. Bầu trời âm u xám xám. Cánh đồng rộng mênh mông và mang một vẻ ảm đạm. Xa xa lẫn trong lùm cây xanh khói bốc lên từ những mái bếp. Chắc là khói từ những nồi bánh chưng đây! Lòng tôi chợt chùng xuống, nhớ đến bếp luộc bánh chưng thuở nhỏ cũng vào ngày 28 Tết. Nhà tôi lớn nên thường phải luộc bánh từ trưa 28, để đến gần nửa đêm vớt là vừa, còn đủ giờ luộc mẻ thứ hai. Về buổi chiều tôi với vài đứa trẻ cùng trang lứa và mấy người lớn ngồi quanh bếp vừa sưởi ấm vừa nghe kể chuyện Tết. Lửa từ những gốc tre già cháy nổ trong bếp, buổi

tối hắt ánh ra làm hồng các nét mặt hớn hỏ. Thỉnh thoảng có nhiều ông chú bà bác ở xa về ngồi nói chuyện trong nhà cũng tạt ra ghé vào bếp thăm hỏi chuyện trò. Tôi cũng nhận ra một điểm khác với hơn nửa thế kỷ trước là tuy không mấy tường nhà được quét vôi mới nhưng mái thì hầu hết lại lợp ngói. Có người cho tôi biết vì bây giờ trồng giống lúa lùn, ngắn ngày, ít rạ, rơm còn phải để nuôi trâu bò. Làm ruộng ở miền Bắc Việt Nam chưa được cơ khí hoá thì trâu bò là sức kéo căn bản. Xe càng về gần tới Quần Phường, tôi hết quay sang trái lại quay sang phải để mong nhận ra một cảnh quen thuộc nào chăng? nhưng xe đi nhanh quá đến nỗi khi ngang qua xã Hạ, chú tôi bảo: Kia, trong kia là quê mẹ cháu đấy. Tôi vội ngoái nhìn thì xe đã đi qua mất rồi! Tôi nói với chú tôi chiều về qua đây xin chú cho tôi ghé thăm quê ngoại. Nhưng vì thời gian quá eo hẹp, chúng tôi phải về Hà Nội, vì sợ tối quá nên tôi đã không thực hiện được ý định. Chú tôi còn làm cho tôi buồn hơn khi nói: “gia đình bên ngoại cháu đâu còn ai, tú tán đi khắp nơi rồi cháu ạ!” Tuy vậy, tôi vẫn định bụng phải có lần tôi sẽ cố thu xếp thì giờ để về thăm lại nơi tôi đã có biết bao kỷ niệm yêu thương.

Xe đã tới cầu Đông!

Mỗi khi đọc bài ca dao trào phúng:

*Bà già đi chợ cầu Đông
Bói xem một quẻ lấy chồng lợi chăng?
Thầy bói gieo quẻ đoán rằng:
Lợi thì có lợi nhưng rằng chẳng còn!*

Hoặc như bài ca dao tả phong cảnh làng quê xinh đẹp, êm đềm:

*Làng tôi phong cảnh hữu tình
Dân cư giang khúc như hình con long...*

Là tôi lại lần lần tự hỏi: Phải chăng những bài ca dao này đã xuất phát từ vùng quê tôi? Nguyễn Bính cũng đã gần gũi với làng quê Nam Định để thấy được:

... Vì tầm tôi phải chạy dâu,
Vi chồng tôi phải đèn hao bác gầy!

Cảnh sinh hoạt của người dân ở quê tôi hồi xưa đúng với câu: “Trai thời đọc sách ngâm thơ, gái thời canh củi việc nhà”. Trước khi tôi xa quê, khu vực cầu Đông có nhiều hiệu buôn. Bây giờ có vẻ như không nhiều, các cửa hàng luộm thuộm,

không mang một không khí vui tươi. Qua cầu, rẽ sang tay phải, đi một thôi đường là tới Cống Múc, có đập nước để điều hoà mực nước của sông Ninh Cơ là một đoạn sông Hồng. Ngày xưa, tại đây nhà của san sát, buôn bán sầm uất còn bây giờ không biết ra sao ? Rẽ sang tay trái sẽ tới chợ Hâm nằm trước đình làng. Đi tiếp sẽ tới nhà cụ cử Ruân, nhà chú Thanh. Nhưng mà con cháu cụ cử cũng đâu còn ở đây ? Cụ nổi tiếng hay chữ khắp vùng, cũng như các cụ cử, tú khác ở đây, cụ không chịu ra hợp tác làm việc với Tây. Các cụ vui sống thanh bạch chốn thôn ỏ cho qua ngày. Từ cầu Đông về đến cầu Phe Ba chỉ chừng 2km. Xe chạy tuy nhanh nhưng tôi cũng thu được vài hình ảnh không mấy vui. Nhà cửa hai bên sông của họ hàng tôi nhiều nơi nay đã biến thành mặt ruộng, Còn người thì “xung quanh lạ mặt những người ta” .

Đã tới cầu Phe Ba !

Mấy bố con cậu em họ tôi đã sang bên này cầu đứng đón. Chiếc xe Van hơi cao so với tấm biển ngũ giăng ngang cầu “Đảng cho ta mùa xuân” nên xe phải đỗ bên này cầu. Chúng tôi xuống đi bộ qua cầu về nhà. Tôi nhận ra xe đã đỗ đúng chỗ trước nhà ông Nho Ích cũ, nơi đây đã có thời tôi thường được các chú sai tới mua táo Tàu, quế, cam thảo. mấy chú cháu chia nhau nhâm nhi trong khi ngồi coi nhà thờ, chờ khách tới lễ Từ. Nghe nói hồi cải cách ruộng đất, tài sản của gia đình ông Nho Ích bị tịch thu hết. Cha con ông phải đưa nhau ra Cẩm Phả làm than, cũng như người bác họ của tôi - bác Ấm; tất cả đều chết ngoài đó vì không chịu nổi đói khát, cơ cực.

Các cháu mang đồ lễ về trước, chúng tôi mang vàng hương, hoa quả đi theo “cụ” Lân, người em họ tôi - tuy nhỏ hơn tôi cả chục tuổi (57) mà cũng râu tóc bạc phơ, vẻ mặt khắc khổ, choắt cheo, khác hẳn hơn nửa thế kỷ trước còn là một cậu bé lấm chắm đi trong sân gạch trước cửa nhà từ - và em rể của Lân ra mộ các cụ lễ.

Để đến mộ, sau khi qua cầu, chúng tôi rẽ sang tay trái đi ngược lại dọc bờ sông. Trên con đường đất này, hồi xưa tôi vẫn hàng ngày đi học. Hồi đó bề ngang mặt đường lớn lắm. Nay có lẽ cần đất làm ruộng nên mặt đường đã bị xẻ ra gần sát mé sông. Chúng tôi xắn quần lội xuống ruộng tới cắm hương, đốt vàng trước mộ tổ tiên. Tôi lâm râm khấn các cụ, xin các cụ tha thứ cho con cháu vì hoàn cảnh phải xa quê lâu, nên mãi đến hơn 50

năm mới lần đầu được đi tảo mộ. Tôi cũng khấn xin các cụ phù hộ cho con cháu giữ mãi được những truyền thống tốt đẹp của gia tộc.

Vào những năm cuối thập niên 90, chính quyền địa phương quy hoạch lại mồ mả, chú Bảy tôi đã từ Hà Nội về quê cùng các em họ tôi đem đi cốt các cụ tập trung chôn gần nhau ở một nơi. Như thế thật tiện lợi cho việc cúng kiếng tảo mộ. Lễ xong tôi tính xuống bên sông rửa chân, Lân ngăn lại: “Chị ơi nước ở đây bẩn lắm, chịu khó về nhà lấy nước giếng rửa”. Đã đành rằng về mùa đông thì nước cạn, nhưng mà sao dòng sông nay lại bé thế này? Có phải vì cần cái ăn nên người ta đã phải lấn ra để trồng khoai sắn. Quê tôi được tiếng trù phú và có phong cảnh xinh đẹp, một phần nhờ con sông này. Ngày xưa thuyền bè vẫn thường qua lại cơ mà ? Dọc hai bên bờ trồng toàn một giống cây bàng - người Tàu gọi là cây phong: “Giang phong ngư hoá đối sầu miên”? Loại cây có tàn lớn, lá to và nhiều; mùa xuân lá xanh non bóng mượt; mùa hè lá xanh đậm che mát suốt dọc đường; mùa thu lá trở màu đỏ rực rỡ. Nhưng sang cuối đông thì trên cành chẳng còn một cái lá nào. Tôi còn nhớ trong mấy năm khi Quân Phương còn là hậu phương, thiếu thuốc nhuộm, lá bàng đỏ tươi được nấu lên lấy nước làm nước nhuộm đầu trước khi dùng vải vào bùn nhiều lần để có vải thâm. Tôi đã từng lén mẹ, theo các bạn nhặt lá bàng, xâu vào một cành tre nhỏ. Mỗi xâu bán được độ một đồng.

Vị trí căn nhà mới của ông bà tôi ở ngay chỗ khúc quanh của dòng sông, cách cầu Phe Ba chỉ chừng mấy chục thước. Bên cạnh, lui về phía sau, ông bà tôi cho một tá điền - chú bạ Miến - ở nhờ. Chú này có người con trai tên Ân, hơn tôi khoảng mười tuổi, anh ta đi theo Việt Minh từ 1945, rồi ở đâu không biết. Nghe nói, năm 1954 về làng, anh ta là Đại úy phục viên làm chức gì lớn lắm ở chính quyền địa phương. Trước khu nhà này, sát bờ sông, có mấy cây bàng, chẳng trừ một cây nào là tôi không leo lên tìm trái - trái chín thơm và ngọt, đập hột lấy nhân ăn thì bùi ời là bùi ! Tôi đã từng bị ong đuổi, vừa tụt xuống tôi vừa la hét inh ỏi. Có lần mãi với trái, tôi tuột chân rơi xuống đất, cũng may không sao cả. Anh hàng thịt ở đầu cầu chắc đã chết lâu rồi ? Nhớ lại mỗi sáng, khi các con trai đã tề tựu đầy đủ, bà tôi sai người ra kêu mang lòng

lợn, tiết canh vào. Mấy bố con ông tôi vui vẻ ngồi nhấm rượu nấu bằng thứ nếp tốt của nhà.

Ông tôi rất hiền, ông chẳng đánh con cháu bao giờ. Ngoài thú vui xướng họa thơ với anh em họ hàng, bạn bè ông còn thích đánh tổ tôm. Sau năm 1954 vào Nam, tôi vẫn thấy ông làm thơ xướng họa với bạn ông là cụ kếp Chiêu, ông tú Kinh, ông tổng Từ (hai ông này có họ về bên ngoại của ông tôi) hoặc với các em họ như ông thông Tinh, ông Tuý, ông Chi... Tuy thuộc vào thế hệ cổ, mỗi tối ông vẫn tự tay mắc màn cho bà. Ông luôn luôn dành món ngon cho bà và con cháu. Riêng ông tự chọn món kém ngon hơn để ăn. Bà tôi thường đổi món bằng các loại bánh : bánh dự, bánh giò, bánh khúc, bánh nếp... hoặc sai cô Tầm lên chợ Đình mua tôm tươi về nấu canh bánh đa, hay mua thịt về nấu cháo sườn. Bà tôi không phải là người hà tiện, bà chiều con cháu, quanh năm cho ăn cơm tám thơm với cá chim, cá thu, tôm he, thịt gà, giò chả... Quê tôi gần biển nên hải sản rất sẵn; nước mắm chợ Cồn ngon nổi tiếng. Ông bà tôi đông con nên lợi tức từ sở ruộng các cụ tôi chia cho, ông bà chỉ dùng để chi tiêu mà không thấy mua thêm gì cả. Thế cũng là cái may vì dù có nhiều hay ít thì sau năm 1954 cũng mất hết.

Ôi ! Những ngày đó sao mà đáng sống thế !! Ngày nay thì ông bà tôi, hai người thím tôi đã mất lâu rồi; mẹ tôi cũng đã mất gần đây. Tám anh em bố tôi nay chỉ còn có 4, mỗi người một phương trời, mà cũng chỉ như những ngọn đèn trước gió, không biết tắt lúc nào ! Ngay như tôi khi đó mới trên dưới 10 tuổi mà nay cũng đã là một bà nội, bà ngoại, sắp mé tuổi 70 !

Đi qua căn nhà bên sông, tôi để ý nhìn vào, cũng không giám nhìn kỹ ! Không biết bây giờ ai ở đây? Ngôi nhà mẹ tôi đã từng mơ ước ! Tới bến sông, cây thông bên bến đã không còn. Tôi ngần ngại bước xuống mấy bậc đá. Ông xã tôi nhăn mặt ngăn lại vì nhìn thấy mấy phiến đá xanh nghiêng ngả đầy rêu. Ấy vậy mà ngày xưa, đây là một trong những bến sông đẹp nhất. Từ bến sông này luá của các cụ tôi đã được chuyển thẳng qua con đường trải nhựa vào sân nhà trong ngõ. Đã có những tối hè nóng nực, tôi theo các cô họ ra bến đá này để tắm và tập bơi trong dòng nước mát từ sông Hồng chảy về. Khúc đường dài khoảng 500m chạy giữa hai khu nhà của của các cụ em cụ tôi, vòng qua 2 cái ao, hai bên đường trồng cỏ tóc

tiên, có lũy tre ngăn ao với đường. Lúc nào ngõ cũng sạch sẽ vì có người quét dọn. Dinh cơ của cụ nào cũng là những khu nhà gạch, mái ngói, cột gỗ lim, rộng rãi.

Đất Quần Phường như vậy đã được các cụ lập lên khoảng hơn 200 năm (nhiều chi thuộc các Tổ trước đời thứ 8 vẫn còn ở Nam Trục). Qua nhiều thế hệ, con cháu các cụ họ Đỗ, họ Trần, họ Vũ, họ Phạm, họ Đặng, họ Lại, vì quan niệm “môn đăng hộ đối” nên quanh quẩn mấy đời là lại có thể kết hôn với nhau - miễn là khác họ. Nội trong vùng, đi đến đâu cũng là họ hàng cả. Cuộc sống của cả một miền rộng lớn rất êm đềm, tươi đẹp, có văn hoá cao. Suốt những năm ở làng, tôi ít nghe có ai bị trộm cắp; ít thấy có ai đánh chửi nhau; không có cảnh trai gái đùa cợt khó coi, nói năng tục tằn. Những câu nói của miệng của mọi người là: “Đói cho sạch, rách cho thơm”, “Giấy rách giữ lề”, “Người ta sống về mồ về mả, không ai sống về cả bát cơm”, “Tiên học lễ, hậu học văn”, “Một giọt máu đào hơn ao nước lã”, “Một sự nhịn là chín sự lành”.... Người ta lấy việc “Kính trên nhường dưới” làm trọng.

Hay là tại tôi còn nhỏ nên không thấy hết, chú thật tình tôi thấy cảnh sống ở quê tôi trước năm 1950 không mấy giống như Ngô Tất Tố, Nam Cao mô tả những nơi khác trong tác phẩm của các ông. Điều duy nhất đã gieo nỗi buồn vào tâm trí tôi hồi đó là tục tảo hôn còn thấy ở vài gia đình. Hai người cô họ tôi đã là nạn nhân của cái tục tàn nhẫn này (trong trường hợp này là do quan niệm “môn đăng, hộ đối”). Một cô, 16 tuổi xuân xinh đẹp phải lấy người chồng 10 tuổi ! Một cô mới 12 tuổi phải lấy người chồng 17 tuổi ! Cùng đều có họ với nhau cả. Một cô thì chê chồng, một cô thì bị chồng chê ! Cuối cùng, mấy năm sau, vì thể diện gia đình, vì tính nhẫn nhịn không vượt qua được tục lệ “cha mẹ đặt đâu, con ngồi đấy”, họ vẫn phải sống với nhau, có con cái. Nhưng nỗi đau triền miên theo họ suốt cuộc đời. Và tất nhiên người phụ nữ bao giờ cũng vẫn bị thiệt thòi hơn !

Từ đầu ngõ Lân đã nói nhỏ vào tai tôi: “Nhà mình bây giờ đám tá điền, đầy tớ cũ hoặc con cháu họ ở cả. Gặp họ chị đừng nói gì cả nhé, kéo họ tự ái !” Chắc em sợ lỡ tôi phần uất nói ra những điều cay đắng, mà mai thì sau khi tôi đi rồi họ sẽ có thái độ khó chịu với em tôi chẳng ? Tất

nhiên dù em không dặn thì tôi cũng chẳng nói gì. Lỗi đâu phải ở họ ? Vả lại các cụ thường bảo: “không ai giàu ba họ, chẳng ai khó ba đời”. Vậy mà do công lao khó nhọc của Tổ tiên, chúng tôi đã được hưởng quá nhiều đời.

Tuy nhiên những cảnh tượng bày ra trước mắt đã khiến tôi không khỏi chạnh lòng: Cả một khu gia cư rộng lớn của đại gia đình chúng tôi đã bị xóa sạch, trừ non nửa căn nhà thờ nhem nhuốc ! Tôi được biết sau năm 1954, theo chỉ thị từ trên, chính quyền địa phương liệt gia đình tôi vào diện phong kiến, địa chủ lâu đời. Lại còn bị gán thêm tiếng Việt gian khi bỏ miền Bắc vào Nam, nên cần phải triệt hạ cho hết vết tích. Họ đem chia cho nông dân mỗi người một gian nhà, kể cả 5 gian nhà tù. Nông dân đâu có ở chỉ một gian cho chật chội, họ rõ gạch ngói đem về xây thêm vào chỗ ở cũ hoặc đem bán cho người khác. Ngay cả cái ao cũng được đem chia cho 4 người; những chủ mới đắp đất ngăn ra làm 4 ao nhỏ !

Phần nhà chỗ bố mẹ tôi ở đã bị san bằng. Nghe nói khi dỡ căn nhà này, họ tìm được vàng giắt trên mái ngói. Đây vốn là chỗ ở cũ của ông con út cụ tôi. Ông bà Tư đột ngột qua đời nên không kịp nói lại cho người nhà biết. Bà Tư khi mất mới 18 tuổi xuân, là một thiếu phụ xinh đẹp, con một cụ Nghị viên Bắc kỳ giàu có. Khi cuộc nền nhà các cụ để làm vườn họ tìm được mấy hũ tiền bạc, tiền đồng. Tôi nhớ lại chuyện Cụ Bà tôi từng kể : Hồi Pháp mới sang chiếm nước ta, tình hình hỗn loạn, hỗn quan; bọn cướp từ ngoài bể tràn vào cướp phá. Lúc đó cụ tôi còn trẻ, có lần chính cụ bị bọn chúng bắt cóc đem đi để đòi tiền chuộc. Vì vậy, tiền phải bỏ vào hũ đem chôn, còn người thì phải sang nhà tá điền ngủ lang.

Sau khi các cụ tôi mất đi, mẹ tôi đã cho trồng xen kê vào khu vườn hoa những cây ăn trái. Hễ nghe nhà ai có giống cây trái ngon là bà tìm tới mua đem về trồng, đủ mọi loại. Ngoài việc canh củi, mỗi buổi chiều bà ra vườn bón tưới, bắt sâu, làm cỏ cho cây. Vì thường là cây chiết nên mau có trái. Khi chính quyền Việt Minh lên thay, chẳng những tịch thu hết, mùa cây ra trái, họ tới đếm rồi bắt bà trông coi. Họ giao hẹn : Đến lúc thu hoạch, nếu thiếu bà phải bồi thường!! Làm sao giữ được cho trái chín khỏi rụng; làm sao cấm được chim ăn, trẻ con hái trộm... Mẹ nhìn thấy tương lai đen

tối đã rõ ràng nên âm thầm thuê người qua lại buôn bán trong vùng Tề kiểm đường tắt đưa mẹ tôi và các em tôi ra đi.

Ông bà tôi vì muốn chờ hai chú tôi nên nấn ná chưa đi. Đến lúc thấy không thể chờ được nữa thì cũng đã quá muộn. Ở ngoài Thượng Trại đã có dấu tổ rồi !! Ông bà tôi vội vã ra đi không kịp đem thím Ba goá bụa cùng ba em, con thím theo. Gia đình chúng tôi vẫn cứ ân hận mãi về chuyện này. Cũng nghĩ rằng gia đình liệt sĩ sẽ được chiếu cố, may ra không bị lấy nhà, căn nhà 5 gian phía ngoài ngõ thím đang ở. Chú Sáu, chú Bảy theo nghề y mà ở đâu và thời nào thì cũng cần bác sĩ cả. Chúng tôi hy vọng hai chú sẽ giúp đỡ được mẹ con thím Ba. Nhưng thực tế không phải như vậy!!

Thấy căn nhà tù sắp bị đem chia, họ hàng, những người nghèo còn ở lại vội làm đơn kêu nài, nói rằng nhà tù là của chung cả họ chứ không phải của riêng những người vào Nam, vậy xin cho giữ lại để thờ phụng Tổ Tiên. Những lời van xin chỉ được đáp ứng có đôi chút. Có nghĩa là căn nhà tù chỉ được dành lại một phần nhỏ làm chỗ thừa tự, phần còn lại tiếp tục đem chia ! Mẹ con thím Ba phải rời căn nhà đang ở, dọn vào gian kho phía tay trái của nhà tù . Gian kho phía tay phải chia cho người khác cũng bị dỡ đi. Các bàn thờ sau khi những đồ quý giá đã bị lấy đi, bài vị bị di chuyển ra giữa nhà, một vách ván được chặn ngang. Phần nhà tù sau tấm ván này trở thêm cửa đem chia cho hai người nữa. Hai chú tôi không giám về quê, đành ở lại Thanh Hoá làm việc. Mấy năm sau chú Sáu cũng qua đời.

Tôi ngậm ngùi nhìn bức hoành phi vua ban vẫn còn treo phía trên bàn thờ nhưng những chữ vàng khi xưa nay đã bị nứt nẻ, mất nét; năm tháng đã nhuốm xỉn khung gỗ sơn son. Đôi câu đối và cái sập khảm sa cù cũng bạc phếch. Mãi đến sau này Lân mới chuộc lại được vài thứ gia bảo như cái sập và đôi câu đối này. Đồ thờ quý giá khi xưa đã được thay bằng những thứ rẻ tiền.. Ôn trời cái chuông cổ vẫn còn. Lân gõ ba tiếng chuông, chúng tôi chấp tay khấn vái trước bàn thờ Tổ. Trong làn khói hương mờ ảo, tôi chợt nhớ lại một hình ảnh xa xưa: hình ảnh của cô bé 10 tuổi đứng lấp ló sau cây cột ngoài hiên nhà thờ. Trong không gian tràn ngập hương trầm thơm ngát, trước

bàn thờ đèn nến sáng trưng, cô nhìn thấy Ông cô đang lớn tiếng kính cáo với Tổ Tiên, thay thế cho cụ cô đã quá già; các em cụ, các con cụ, các cháu cụ đang tề chỉnh khăn áo, kính cẩn đứng chờ lần lượt vào lễ.

Thay vào chỗ nhà học là một căn bếp lụp xụp và một cái ao nhỏ thả bèo. Nghe nói sách chữ nho chất chứa từ nhiều đời; sách báo chữ quốc ngữ từ đầu thế kỷ đã được người ta đem quang gánh vào mang đi làm nhiều chuyến. Biết bao văn, sử liệu quý đã được đem nhóm bếp ? Sân gạch bát tràng trước nhà từ bây giờ là chỗ trồng rau và gieo mạ của vợ con Lân. Vườn hoa xưa cũng thuộc chủ khác. Không hiểu khu bể non bộ với những hòn đá lớn đã được chuyển đến nhà ai ? Tôi muốn vào khu nhà phía sau nhưng không thể được vì có một hàng rào chặn lại !

Tôi buồn bã nghĩ phải chi họ bảo tồn được khu nhà này nguyên vẹn, vì đó cũng đáng là một di tích văn hoá giống như những khu nhà cổ bên Trung quốc mà người ta còn giữ được.

Trong mấy chục năm thím tôi và các em đã ở chung với bài vị của các cụ trong phần nhà từ nhỏ bé. Nay thím tôi đã mất, vợ chồng Lân cũng đã xây được một căn nhà khá khang trang ở góc sân cũ.

Ở quê có hai tiếng đồng hồ, chúng tôi chỉ kịp đi viếng mộ các cụ, về lễ từ đường rồi ăn một bữa cơm Tất niên với gia đình mấy người em họ. Còn biết bao nhiêu chỗ tôi muốn thăm viếng mà không đi được. Trong lòng cũng ân hận vì chưa gặp được hết những người lẽ ra tôi phải gặp. Dạo sao tôi cũng thất được an ủi đôi chút khi nghe vợ Lân nói là nhiều tá điền già vẫn còn nhắc tới ơn cứu đói của mẹ tôi với gia đình họ.

Chậm chạp qua cầu, dừng lại bên xe, trong giây lát, quên hết mọi người xung quanh đang tíu tít dọn dờ, tôi ngoảnh nhìn lại căn nhà ngang qua sông. Tôi muốn quay lại cắm một nén hương vào chỗ cái đồi nhỏ - các cụ cho đắp lên để che bớt gió sông. Rồi qua đôi mắt đã mờ vì năm tháng, tôi thấy hình như có làn khói nhẹ nhàng vươn lên, tôi thấy hình như ông bà tôi đang chậm chậm bước qua cổng vào nhà. Trong đó có lũ con cháu đang ngồi chờ để cùng vào nhà trong lễ từ và mừng tuổi hai Cụ. Chợt tiếng con trai tôi hỏi: “Lên xe chưa mẹ ?” Lại nghe tiếng chồng tôi bảo con: “Thôi để

yên cho mẹ nhìn lại nhà lần nữa”. Cảm ơn Anh đã thông cảm được với tâm sự của tôi. Tôi đưa mắt nhìn lại cây cầu Phe Ba. Cây cầu thân yêu sao mà già nua tàn tạ thế ! Có lẽ đã hơn nửa thế kỷ nay cầu chưa được quét vôi lại. Thế nhưng cây cầu có vẻ vẫn còn đứng vững. Nhiều người tin rằng vật gì dù vô tri nhưng nếu đã tồn tại qua thời gian lâu dài thì cũng sẽ có linh hồn. Vậy có lẽ những hồi tưởng về quá khứ đã giúp cây cầu vẫn còn thi gan cùng năm tháng. Hồi tưởng về những ngày xuân, có nắng vàng như lụa non vương trên những tàn lá ven sông; nắng phủ trên cây cầu rực rỡ màu vôi trắng. Đám rước vinh qui đang qua cầu, vàng son cờ biển, sênh sang áo mũ, rộn ràng chiêng trống giữa những vui mừng hớn hở của dân làng. Tôi chợt nhớ lại câu thơ và xin cảm ơn thi sĩ Tô Thùy Yên.

Ta về như lá rơi về cội
Đóm lửa nhân quần ấm tối nay
Chén rượu hồng đây xin rưới xuống
Giải oan cho cuộc biển dâu này !

Nguyễn thị Huyền

